TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 665/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Nguyễn Kiên Hiển

2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tăng Khánh D, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 212/75/19 H, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 116 lô B chung cư C, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Ngọc T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 212/75/19 H, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 116 lô B chung cư C, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tăng Khánh D trình bày: Ông và bà Bùi Ngọc T tự nguyện chung sống và có làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2005 cấp ngày 14/7/2005.

Quá trình cung sống từ năm 2005 đến cuối năm 2018 ông và bà T chung sống

tại địa chỉ số 121/75/19 H, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, từ đầu năm 2019 cho đến nay sống tại địa chỉ số 116 lô B chung cư C, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế và cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vả lẫn nhau, thậm chí xô xát nhau. Từ năm 2014 cho đến nay ông và bà T đã sống ly thân. Trong quá trình sống ly thân hai bên đã thực hiện nhiều biện pháp để hàn gắn gia đình nhưng đều không đạt được. Nay ông nhận thấy tình cảm đối với bà T không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn đối với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tăng Thanh M, sinh ngày 25/10/2005 và Tăng Ngọc A, sinh ngày 10/10/2007. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn ông Tăng Khánh D: Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn bà Bùi Ngọc Th: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy các yêu cầu của nguyên đơn ông Tăng Khánh D là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Tăng Khánh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Tăng Khánh D yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Bùi Ngọc T có nơi cư trú tại Quận 3. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

- Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 03/8/2020, nguyên đơn ông Tăng Khánh D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con không có sự tham gia của ông. Qua đó, ông D xác định: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Bùi Ngọc T, yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi 02 con chung tên Tăng Thanh M, sinh ngày 25/10/2005 và Tăng Ngọc A, sinh ngày 10/10/2007. Ông D không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt ông D.

- Bị đơn bà Bùi Ngọc T đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về

việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn ông Tăng Khánh D:

Ông Tăng Khánh D và bà Bùi Ngọc T chung sống và có làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2005 tại ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, Quyển số 01/2005 cấp ngày 14/7/2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông D và bà T là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2.1]. Xét yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do ông D và bà T bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế và cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vả nhau thậm chí xô xát nhau. Cả hai đã ly thân từ năm 2014. Quá trình sống ly thân ông D và bà T đã thực hiện nhiều biện pháp để hàn gắn gia đình nhưng đều không đạt được. Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn bà T.

Tại kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân Phường 3, Quận 3 trả lời công văn số 415/TAQ3 ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 3 về việc xác minh tình trạng mâu thuẫn hôn nhân và gia đình của đương sự có nội dung như sau: "Từ năm 2005 đến năm 2018 ông Tăng Khánh D và bà T có chung sống với nhau và đăng ký kết hôn. Sau năm 2018 thì bà T bỏ nhà đi khỏi địa phương, không còn cư ngụ tại 212/75/19 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 3, Quận 3, TP HCM. Quá trình chung sống gia đình có mâu thuẫn giữa vợ/chồng T và D và giữa T với anh/chị chồng, mức độ mâu thuẫn ở mức bình thường nên địa phương có hòa giải tại nhà.

Ông D, bà T có hai người con chung là Tăng Thanh M, sn 25/10/2005 và Tăng Ngọc A, sn 10/10/2007. Ông D trực tiếp nuôi dưỡng".

Tại kết quả trả lời xác của Ủy ban nhân Phường 1, Quận 3 trả lời công văn số 416/TAQ3 ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 3 về việc xác minh tình trạng mâu thuẫn hôn nhân và gia đình của đương sự có nội dung như sau: " Từ tháng 11/2019 đến nay bà Bùi Ngọc T, sinh 1976 có đăng ký tạm trú tại 116 lô B chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, trong thời gian bà T và ông D sống chung có mâu thuẫn hay không UBND Phường 1, Quận 3 không nắm....."

Xét yêu cầu ly hôn của ông D, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng rạn nứt kéo dài từ năm 2008 dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cả hai đã ly thân từ năm 2014 không còn quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa để trình bày ý kiến nêu nguyện vọng của mình chứng tỏ bà T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như yêu cầu nuôi con. Từ

các cơ sở nêu trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ôngD và bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, ông D yêu cầu được ly hôn với bà Thảo là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, ông Tăng Khánh D và bà Bùi Ngọc T có 02 con chung tên Tăng Thanh M, sinh ngày 25/10/2005 và Tăng Ngọc An, sinh ngày 10/10/2007.

Xét, Bản tự khai đề ngày 13/7/2020 của 02 trẻ Tăng Thanh M và Tăng Ngọc A thì 02 trẻ có nguyện vọng được sống với ba. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao 02 trẻ Tăng Thanh M và Tăng Ngọc A cho ông T tiếp tục trực tiếp giữ nuôi để trẻ được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và ổn định cuộc sống.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Tăng Khánh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Tăng Khánh D:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tăng Khánh D được ly hôn bà Bùi Ngọc T.

- Về con chung: Giao ông Tăng Khánh D trực tiếp giữ nuôi 02 con chung tên Tăng Thanh M, sinh ngày 25/10/2005 và Tăng Ngọc A, sinh ngày 10/10/2007.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Tăng Khánh D phải chịu và được tính cấn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0007321 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Tăng Khánh D đã nộp đủ án phí.

3/. Về quyền kháng cáo: Ông D, bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hoa